

Số ~~ABC~~BC-THCS

Quang Trung, ngày 30 tháng 6 năm 2025

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM HỌC 2024-2025

### I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường Trung học cơ sở Cao Nhân

2. Địa chỉ trụ sở chính: Thôn 2, xã Quang Trung, Thành phố Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng

3. Loại hình giáo dục: Trường công lập

4. Sứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu của nhà trường

a) **Sứ mệnh:** Trường THCS Cao Nhân là cơ sở giáo dục phổ thông công lập thuộc TP Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Trường thực hiện quản lý nhà nước về giáo dục ở địa phương xã Quang Trung, chịu sự quản lý của phòng GDĐT TP Thủy Nguyên về chuyên môn nghiệp vụ.

Trường có nhiệm vụ: Xây dựng kế hoạch, chiến lược phát triển của nhà trường. Tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục theo chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Tuyển sinh và tiếp nhận học sinh, quản lý học sinh; Thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục trong phạm vi xã Cao Nhân. Tổ chức cho giáo viên, nhân viên, học sinh tham gia các hoạt động xã hội. Quản lý giáo viên, nhân viên; Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục; Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định của pháp luật. Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng giáo dục, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Thực hiện công khai về cam kết chất lượng giáo dục, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật. Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục trong quản lý các hoạt động giáo dục.

Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

#### b) **Tầm nhìn**

- Giáo dục và Đào tạo đang trong giai đoạn đổi mới mạnh mẽ và toàn diện. Sự thay đổi về chương trình giáo dục dẫn đến những yêu cầu cần điều chỉnh về CSVC, đội ngũ giáo viên, nhân viên trong các nhà trường để đáp ứng mục tiêu giáo dục được xác định với những phẩm chất, năng lực thích ứng với những đổi thay trong bối cảnh toàn cầu hóa và cách mạng công nghiệp mới.

- Trường THCS Cao Nhân xây dựng một số lớp tiên tiến, giữ vững thành tích trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2, chuẩn kiểm định mức độ 3.

#### c) **Mục tiêu**

- Nhà trường đạt được mục tiêu giáo dục của cấp học, đó là: "giúp học sinh phát triển các phẩm chất, năng lực đã được hình thành và phát triển ở cấp tiểu học, tự điều chỉnh bản

thân theo các chuẩn mực chung của xã hội, biết vận dụng các phương pháp học tập tích cực để hoàn chỉnh tri thức và kỹ năng nền tảng, có những hiểu biết ban đầu về các ngành nghề và có ý thức hướng nghiệp để tiếp tục học lên trung học phổ thông, học nghề hoặc tham gia vào cuộc sống lao động” (Trích Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT)

- Xây dựng nhà trường trở thành đơn vị có uy tín về chất lượng giáo dục, là mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại. Được các cơ quan có thẩm quyền thẩm định, đánh giá là nhà trường đạt chuẩn chất lượng giáo dục mức độ 4 (mức độ cao nhất) và đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 (mức cao nhất).

- Trở thành một trong số các trường THCS có chất lượng cao của TP; là đơn vị có năng lực trong việc giáo dục đạo đức và rèn kỹ năng sống cho học sinh, để học sinh có ý thức và trách nhiệm trong học tập, có lối sống lành mạnh, có bản lĩnh, trung thực, ham thích học tập và học tập có kết quả; là đơn vị có năng lực tổ chức các hoạt động chuyên đề, hoạt động ngoại khóa mang tầm vóc lớn; có năng lực cao trong công tác phát hiện bồi dưỡng nhân tài cho địa phương.

### **5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển**

Trường THCS Cao Nhân - tiền thân là trường cấp I - II Nguyễn Huệ - được thành lập năm 1997. Ngày 15 tháng 8 năm 1992, theo quyết định số 482-QĐ/UB của UBND huyện Thủy Nguyên, trường PTCS Cao Nhân tách ra làm hai trường: trường Tiểu học Cao Nhân và trường THCS Cao Nhân. Trường THCS Cao Nhân chính thức hoạt động độc lập. Trải qua 60 năm xây dựng và phát triển trường có bề dày truyền thống lịch sử và đã có những đóng góp quan trọng trong công tác giáo dục của huyện, đặc biệt là sự tin tưởng của các thế hệ học sinh và phụ huynh. Nơi đây đã bồi dưỡng, nâng đỡ biết bao thế hệ học sinh trường thành, bay cao và bay xa trên mọi miền tổ quốc góp phần xây dựng quê hương.

Trường hiện có 33 cán bộ, giáo viên và công nhân viên chức (trong đó 100% giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn, 05 đồng chí có trình độ Trung cấp chính trị, 01 đồng chí là Thạc sĩ). Trường có 681 học sinh chia thành 16 lớp. Trên 90% học sinh trong trường xếp loại rèn luyện tốt và trên 70% học sinh xếp loại văn hóa khá, giỏi.

Với sự phấn đấu không ngừng, tập thể cán bộ, giáo viên và học sinh trường THCS Cao Nhân đã đạt được những kết quả đáng tự hào:

- Nhiều năm liên tục trường đạt danh hiệu là trường lao động tiên tiến;
- Năm học 2020-2021 trường vinh dự đạt danh hiệu là trường lao động tiên tiến, được nhận giấy khen của UBND Huyện;
- Năm học 2021-2022 Công đoàn nhà trường được Liên đoàn lao động Huyện tặng giấy khen;
- Năm học 2019-2020, 2023-2024: Liên đội đạt danh hiệu Liên đội vững mạnh cấp thành phố;

Trong nhiều năm trường đạt các danh hiệu thi đua: Chi bộ trong sạch vững mạnh xuất sắc, Công đoàn vững mạnh; Liên đội vững mạnh cấp thành phố, Trường Tiên tiến, trường Tiên tiến xuất sắc.

Từ năm 2018-2019 đến năm 2021-2022, toàn trường có 12 Chiến sĩ thi đua, trong đó 14 đồng chí đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi cấp huyện, 01 đồng chí đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi cấp thành phố (Riêng năm học 2022-2023 trường vinh dự có 04 đồng chí tham gia

thi giáo viên giỏi cấp huyện trong đó có 01 đồng chí đạt thủ khoa và 01 đồng chí đạt á khoa. Đặc biệt trong kì thi giáo viên dạy giỏi cấp thành phố có 01 đồng chí đạt thành tích xuất sắc). Trường có nhiều giáo viên đạt thành tích cao trong giảng dạy và bồi dưỡng học sinh giỏi, có đồng chí được lựa chọn đảm nhận vị trí cán bộ cốt cán của Phòng Giáo dục, phụ trách bồi dưỡng đội ngũ học sinh giỏi cấp thành phố hàng năm và tham gia trong Hội đồng môn lựa chọn SGK của SGD và ĐT.

Tập thể học sinh nhà trường đạt được những thành tích đáng tự hào: Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023, nhà trường có giải nhất, giải nhì trong các kì thi học sinh giỏi cấp huyện. Chất lượng giáo dục đại trà càng ngày càng được nâng lên với tỷ lệ học sinh đạt trung bình trở lên trên 97% (năm học 2021-2022 đạt 99,4%), tỉ lệ học sinh đỗ vào lớp 10-THPT công lập trung bình đạt trên 70%. Từ mái trường này, nhiều thế hệ học sinh đã trưởng thành trên nhiều ngành nghề, nhiều lĩnh vực như: kỹ sư, bác sĩ, công an, quân đội, nhà quản lý, nhà giáo, những công nhân lành nghề,...

## 6. Thông tin người đại diện pháp luật

Họ và tên: Phan Thị Lan

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ làm việc: Trường THCS Cao Nhân (Thôn 2, xã Quang Trung, TP Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng)

Số điện thoại: 0906299676

Email: Lanminhhung76@gmail.com

## 7. Tổ chức bộ máy

7.1. Hội đồng trường: 9 người

7.2. Chi bộ: 20 đảng viên. Cấp ủy: 03 người

Bí thư: Phan Thị Lan

Phó bí thư: Nguyễn Thị Nhi

Ủy viên: Trần Thị Thắm

7.3. Ban giám hiệu: 02 người

Hiệu trưởng: Phan Thị Lan

Phó hiệu trưởng: Nguyễn Thị Nhi

7.4. Hội đồng sư phạm nhà trường: 33 thành viên

7.5. Tổ chuyên môn: 03 tổ

Tổ hành chính: Tổ trưởng Vũ Thị Bích Ngọc

Tổ KHXH: Tổ trưởng Trần Thị Thắm; tổ phó Tạ Thị Dung

Tổ KHTN: Tổ trưởng Lê Văn Khải; tổ phó Nguyễn Thị Hỷ

## II. ĐỘI NGŨ CÁN BỘ QUẢN LÝ, GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp				
			TS	ThS	DH	CD	TC	Khác	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
	TS CBQL, giáo viên, nhân viên	33		1	30		0	1				23	5	0	
1	Giáo viên	28			28			1	27		23	5	0		
1	Toán	7			7				6		5	1			

2	Lý	1		1				1		1		
3	Hóa	1		1				1		1	1	
4	Sinh	1		1				1		2		
5	Văn	7		7				8		7	1	
6	Sử	1		1			1	0		0	1	
7	Địa	2		2				1		2		
8	Tiếng Anh	3		3				6		3	2	1
9	Công nghệ	1		1				2		2		
10	Thể dục	2		2				2		2		
11	Âm nhạc	1		1				0		1		
12	Mỹ thuật	1		1				1		1		
13	GDCD	1		1				1		1		
14	Tin học											
15	Tổng phụ trách											
II	Cán bộ quản lý	2		1	1			1	1	2		
1	Hiệu trưởng	1		1					1	1		
2	Phó hiệu trưởng	1		1				1		1		
III	Nhân viên	1		1		1		1				
1	Nh.viên văn thư											
2	Nh.viên kế toán	1			1					1		
3	Thủ quỹ											
4	Nh.viên y tế											
5	Nh.viên thư viện											
6	Nh.viên thiết bị, thí nghiệm											
7	Nh.viên hỗ trợ GD người khuyết tật											
8	Nh.viên CNTT											
9	Nhân viên bảo vệ	2					2			0	2	
10	Nhân viên tạp vụ	2										

### III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	16	
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	16	
2	Số phòng học bộ môn	06	
3	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	01	
4	Bình quân lớp/phòng học	01lớp/1 phòng	
5	Bình quân học sinh/lớp	42 HS/lớp	
III	Tổng số diện tích đất (m <sup>2</sup> )	16.000 m <sup>2</sup>	
IV	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m <sup>2</sup> )	5000 m <sup>2</sup>	
V	Tổng diện tích các phòng	m <sup>2</sup>	
1	Diện tích phòng học (m <sup>2</sup> )	1008 m <sup>2</sup>	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m <sup>2</sup> )	378 m <sup>2</sup>	

3	Diện tích thư viện (m <sup>2</sup> )	103 m <sup>2</sup>				
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m <sup>2</sup> )	450 m <sup>2</sup>				
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m <sup>2</sup> )	103 m <sup>2</sup>				
VI	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)					
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	6				
1.1	Khối lớp 6	1.5				
1.2	Khối lớp 7	1.5				
1.3	Khối lớp 8	1.5				
1.4	Khối lớp 9	1.5				
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	8				
2.1	Khối lớp 6	2				
2.2	Khối lớp 7	2				
2.3	Khối lớp 8	2				
2.4	Khối lớp 9	2				
VII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập	25	(Đơn vị tính: bộ)			
VIII	Tổng số thiết bị dùng chung khác	5				
1	Ti vi	1				
2	Cát xét	3				
3	Đầu Video/đầu đĩa	1				
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	2				
5	Thiết bị khác (âm thanh)	1				
IX	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m <sup>2</sup> /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh	6		10	0	6.79 m <sup>2</sup> /HS
2	Chưa đạt chuẩn	0	0	0	0	
	Nội dung			Có	Không	
X	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh			x		
XI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)			x		
XII	Kết nối internet			x		
XIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường			x		
XIV	Tường rào xây			x		

#### IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Điều kiện tuyển sinh	- Đủ 11 tuổi (sinh năm 2013, hoàn thành hương trình Tiểu học). - Học sinh chuyên đến có đủ hồ sơ hợp lệ	- Đủ điều kiện lên lớp theo Thông tư 22 của Bộ GDĐT	- Đảm bảo lên lớp đúng theo Thông tư 22 của Bộ Giáo dục.	- Đảm bảo lên lớp đúng theo Thông tư 22 của Bộ Giáo dục.

			- HS chuyển đến có đủ hồ sơ hợp lệ	- HS chuyển đến có đủ hồ sơ hợp lệ	- HS chuyển đến có đủ hồ sơ hợp lệ
II	Chương trình giáo dục	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thực hiện chương trình hiện hành theo quy định của Bộ GD&amp;ĐT:</li> <li>Thực hiện theo chương trình GDPT 2018</li> <li>Thời gian thực học 35 tuần (học kỳ I: 18 tuần, học kỳ II :17 tuần)</li> <li>Đảm bảo chương trình, kiến thức, kỹ năng theo quy định của Bộ GD&amp;ĐT, hướng đến các giá trị sống cho học sinh</li> </ul>			
III	Sự phối hợp giữa nhà trường, gia đình và các tổ chức đoàn thể	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nhà trường và phụ huynh có sự phối hợp chặt chẽ trong việc giáo dục học sinh thông qua Quy chế phối hợp. Ban đại diện cha mẹ học sinh được thành lập và hoạt động theo đúng Thông tư 55/2011/TT-BGDĐT (xây dựng kế hoạch hoạt động, kế hoạch thu chi, tổ chức họp định kỳ 3 lần/năm).</li> <li>Đội TNTP Hồ Chí Minh hoạt động theo kế hoạch do Hội đồng Đội các cấp và kế hoạch nhà trường. Học sinh có thái độ học tập đúng đắn, chấp hành tốt nội quy nhà trường; thực hiện tốt 5 điều Bác Hồ dạy.</li> </ul>			
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thiết bị dạy học: Mỗi lớp trang bị đầy đủ tivi, máy chiếu; Có 01 phòng tin học với 32 máy tính, cơ bản đáp ứng đủ nhu cầu học tập của HS.</li> <li>Phòng học được trang bị đầy đủ: bàn ghế, bảng chống lóa, ánh sáng, quạt thoáng mát.</li> <li>Có 01 phòng học thông minh, được trang bị các phương tiện dạy học hiện đại: Bảng thông minh, điều khiển, máy vi tính, thiết bị âm thanh... đáp ứng yêu cầu dạy học ngoại ngữ theo chương trình mới.</li> </ul>			
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh đạt được	<ul style="list-style-type: none"> <li>Học sinh có hạnh kiểm khá, tốt: 94,37 % ; Học sinh có học lực khá, giỏi: 72.73 %</li> <li>Tỷ lệ tốt nghiệp lớp 9 đạt 100%; Tỷ lệ học sinh dự thi vào lớp 10 THPT công lập <math>98/141 = 69,5 \%</math> ; Tỷ lệ học sinh đỗ vào lớp 10 THPT công lập: <math>90/98 = 91.83\%</math> trên học sinh tốt nghiệp, đứng vị thứ 69/195 trường trong toàn thành phố.</li> <li>Sức khỏe: Chăm sóc tốt vệ sinh sức khỏe học đường, có biện pháp tích cực trong việc phòng chống các dịch bệnh thông thường, khám bệnh, tiêm phòng đúng định kỳ; không để xảy ra tai nạn thương tích và giao thông đối với HS.</li> </ul>			
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	- 100% học sinh lên lớp thẳng (sau khi rèn luyện trong hè)	- 100% học sinh lên lớp thẳng (sau khi rèn luyện trong hè)	-100% học sinh lên lớp thẳng (sau khi rèn luyện trong hè)	- 100% được công nhận TN THCS.
		- Duy trì 100% sĩ số	- Duy trì 100% sĩ số	- Duy trì 100% sĩ số	- Duy trì 99,59% sĩ số

### V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo kết quả rèn luyện	675	167	195	172	141
1	Tốt	637	155	186	156	140

	(tỷ lệ so với tổng số)	94.09	92.26	93.68	90.17	99.29
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	38 5.901	12 7.74	9 6.32	16 9.83	1 0.71
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	0			0	
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0			0	
II	Số học sinh chia theo học lực	675	167	195	172	141
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	167	54 32.34	62 37.13	48 28.74	3 1.80
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	195	47 24.10	101 51.79	47 24.10	
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	172	33 19.19	82 47.67	55 31.98	2 1.16
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	141	45 43.97	62 43.97	34 24.11	
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)					
III	Tổng hợp kết quả cuối năm					
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)					
a	Học sinh Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	637	155	186	156	140
b	Học sinh Khá (tỷ lệ so với tổng số)	38	12	9	16	1
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	5 0.74	3 5.01	0	2 1.16	0
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)					
4	Chuyên trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	12 0.19	4 0.62	3 0.47	2 0.31	3 0.47
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)			01		
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi HSG					
1	Cấp huyện	10	0	1	1	8
2	Cấp tỉnh/thành phố	1			1	
3	Quốc gia, khu vực, quốc tế					
V	Số HS dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	141				141
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	141				141
VII	Số học sinh nam/số học sinh nữ					65
VIII	Số học sinh dân tộc thiểu số				0	

#### IV. CÔNG TÁC TÀI CHÍNH

##### 1. Công tác lãnh đạo, điều hành triển khai thực hiện

###### 1.1. Các căn cứ áp dụng

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

- Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND thành phố Hải Phòng “Quy định các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng”; Hướng dẫn số 03/HDLS-GDDĐT-STC ngày 26/9/2022, Hướng dẫn Liên sở thực hiện thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

- Căn cứ c/v 2677/UBND-GDDĐT ngày 30/08/2024 về việc thực hiện các khoản thu trong trường học năm học 2024-2025

- Công văn số 348-CV/DTN ngày 19/08/2024 của Ban BCH Đoàn huyện Thủy Nguyên “v/v triển khai tham gia quỹ vòng tay bè bạn năm học 2024-2025”;

- Thông tư số 17/2012/TT-BGDĐT về việc ban hành quy định về dạy thêm học thêm; Quyết định số 2050/2012/QĐ-UBND ngày 21/11/2012 của UBND TP.Hải Phòng về việc ban hành quy định về dạy thêm, dạy thêm trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Hướng dẫn số 2716/SGDDĐT-TTtr ngày 13/10/2023 của Sở GDĐT.

- Công văn số 2523/BHXH, ngày 1/08/2024 của Bảo hiểm xã hội huyện Thủy nguyên về việc triêm khai thực hiện BHYT học sinh năm học 2024-2025

- Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ giáo dục và đào tạo ban hành điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;

- Biên bản họp phụ huynh học sinh toàn trường ngày 23/09/2024.

### **1.2. Quy trình thực hiện**

- Tổ chức các cuộc họp triển khai kế hoạch thu-chi trong năm học; Hội đồng trường; cấp ủy, Ban giám hiệu; Ban đại diện CMHS nhà trường; Trường ban đại diện CMHS các lớp; HĐSP nhà trường; Toàn thể phụ huynh học sinh.

### **1.3. Ban hành các văn bản**

- Quy chế chi tiêu nội bộ;

- Quy chế dân chủ;

- Quy chế phối hợp giữa nhà trường với Ban đại diện cha mẹ học sinh;

- Các văn bản khác.

## **2. Kết quả thực hiện**

### **2.1. Ngân sách năm 2024**

- Tổng số tiền được cấp: 9.194.942.200 đồng

- Tổng số tiền đã chi: 9.194.942.200 đồng

Trong đó :

- Chi thanh toán cá nhân: 4.570.658.800 đồng

- Chi hoạt động thường xuyên: 662.312.800 đồng

- Chi khác: 53.748.500 đồng

### **2.2. Quỹ học phí năm học 2024-2025**

- Số dư học phí năm học 2023-2024: **18.131.489** đồng

- Tổng nguồn hỗ trợ học phí năm học 2024-2025: **365.366.000** đồng.

- Tổng chi năm học 2024-2025 : **377.687.127**. Trong đó:

+ Hỗ trợ chi lương: 252.049.000 đồng

- + Chi thưởng cho giáo viên: 8.300.000 đồng
- + Chi hoạt động chuyên môn: 67.892.127 đồng
- + Chi mua sắm, sửa chữa: 49.446.000 đồng
- Số dư cuối kỳ: 5.810.362 đồng

### **2.3. Báo hiễm Y tế năm học 2024 - 2025**

- \*) Tổng thu: 652 em x 884.520 đ/1 em = 576.707.040 đ
- \*) Tổng nộp về BHXH huyện = 576.707.040 đ

### **2.4. Học thêm năm học 2024-2025**

**Dư năm học 2023-2024: 852.309 đồng**

- \*) Tổng thu: 1.421.291.856 đồng.( Trong đó: 1.420.484.000 + 807.856 lãi tiền gửi)
- \*) Tổng chi: 1.422.144.165đ
- Chi GV giảng dạy: 911.383.900 đ
- Chi công tác quản lý: 280.565.700 đ
- Chi cơ sở vật chất nhà trường: 97.678.400
- Chi phúc lợi cho CBGVNV nhà trường: 112.050.000đ
- Chi nộp thuế tndn: 19.815.820đ

**Dư cuối kỳ: 550.345đ**

### **2.5. Tiền nước uống năm học 2024-2025**

- \*) Tổng thu: 58.800.000 đ
- \*) Tổng chi: 58.800.000 đ

### **2.6. Tiền trông xe năm học 2024-2025**

- Tổng thu : 118.365.000 đồng
- Tổng chi : 118.365.000 đồng

### **2.7. Quỹ Vòng tay bè bạn**

- \*) Tổng vận động: 581 em x 50.000 đ/1 em = 29.050.000 đ
- \*) Tổng chi: 29.050.000 đ

## **V. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC**

**1. Hoàn thành chương trình giáo dục một cách linh hoạt, nghiêm túc, trách nhiệm, hiệu quả, đúng quy định và phù hợp với thực tiễn nhà trường, đảm bảo nguyên tắc không cắt xén chương trình, đúng tiến độ thời gian.**

**2. Giữ vững và nâng cao các tiêu chuẩn phổ cập giáo dục: .**

**3. Cùng cố vững chắc và nâng cao chất lượng giáo dục**

Nâng cao chất lượng học sinh giỏi: Kỳ thi vào lớp 10 THPT, kết quả ổn định và duy trì so với năm học trước, cố gắng phát huy và giữ vững cho những năm học tiếp theo.

**4. Tổ chức thành công nhiều hoạt động giáo dục quy mô cấp huyện và thành phố.**

Khai giảng năm học mới gắn được tổ chức trọng thể, tưng bừng và phấn khởi, nhiều hoạt động ngoại khóa và chuyên đề được tổ chức nhằm tuyên truyền và giáo dục ý thức ATGT, chống chống đuối nước và phòng chống các tệ nạn xã hội.

### **5. Công tác bồi dưỡng đội ngũ đạt kết quả cao**

Có 04 đồng chí được công nhận giáo viên giỏi huyện., Giáo viên ôn thi vào lớp 10 đã có nhiều chuyển biến tích cực đặc biệt là có thủ khoa vào THPT Quang Trung ( Với điểm số: Toán 10, Anh 9,75 và Văn 8,5), môn Tiếng Anh giữ vững vị thế thứ 2 . Được đầu kháng định được vị thế của mình trong công tác ôn thi vào 10.

### **6. Kết quả thi đua cuối năm học**

Tập thể: được UBND huyện công nhận “Tập thể lao động tiên tiến”;

Cá nhân: + UBND TP thủy Nguyên công nhận 04 CSTĐ cơ sở, 18 LĐTT.

+ Hai đ/c được UBND TP Hải Phòng tặng bằng khen

Nơi nhận:

- Chi ủy, BGH;
- Tập thể HDSP;
- Website;
- Lưu.



TP Hải Phòng Thị L.an